

**CÔNG TY CP KHOÁNG
SẢN HÒA BÌNH**

Số: 12/CBTT-2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH**

Mã chứng khoán: KHB

Trụ sở Công ty: Xã Thống Nhất, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình

Văn phòng đại diện: 143 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại: 02435625682

Sàn giao dịch: HNX

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Sơn

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 02435625682

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2018

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Xin trân trọng công bố!

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên 2018;

Người thực hiện công bố thông tin

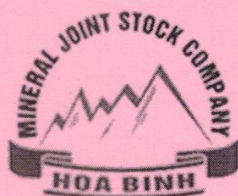


Nguyễn Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Địa chỉ: Xã Thống Nhất, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình

Mã số thuế: 5400227011



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH

Năm báo cáo: 2018

I. Thông tin chung

Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần khoáng sản Hòa Bình
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5400227011 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 23/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 21/07/2017.
- Vốn điều lệ: 290.755.000.000 đồng (*Hai trăm chín mươi tỷ bảy trăm năm mươi lăm triệu đồng*)
- Địa chỉ: Xã Thống Nhất, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình.
- Số điện thoại: 0909415538
- Website: www.khb.com.vn
- Mã cổ phiếu: KHB.

II. Lịch sử hình thành và hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng.

- Công ty cổ phần khoáng sản Hòa Bình tiền thân là xí nghiệp than Kim Bôi, được thành lập từ năm 1963. Đến năm 1987 Xí nghiệp được đổi tên thành Xí nghiệp phân lân Hòa Bình. Năm 1992, Xí nghiệp có tên là Xí nghiệp Khai khoáng – Cung ứng vật tư xây dựng công nghiệp Hòa Bình. Do nhu cầu thực tiễn của tình hình mới, đến năm 1994 Ủy ban nhân dân Tỉnh Hòa Bình đã có quyết định sáp nhập 3 xí nghiệp là: Xí nghiệp khai khoáng Cung ứng vật tư xây dựng Công nghiệp, Xí nghiệp khai thác than Lạc Thủy và Xí nghiệp sản xuất Vật liệu xây dựng Lạc Thủy và lấy tên là Công ty cung ứng Vật tư khoáng sản Hòa Bình.
- Ngày 31/10/2003 Công ty được Nhà nước giao cho tập thể người lao động theo quyết định số: 1887/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Tỉnh Hòa Bình.
- Công ty chính thức mang tên là Công ty cổ phần khoáng sản Hòa Bình vào ngày 23/12/2003
- Năm 2009 Công ty đã vinh dự nhận cúp vàng “Doanh nghiệp hội nhập và phát triển” của liên Bộ văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Công thương, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam và Ban tuyên giáo TW dành cho những doanh nghiệp tiêu biểu, có những thành tích trong kinh

doanh và quản trị xuất sắc trong quá trình hội nhập.

- Ngày 19/05/2010 Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, số cổ phiếu ban đầu là: 1.270.000 cổ phiếu, Mã cổ phiếu là: KHB
- Ngày 16/09/2010, Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số: 673/UBCK-GCN của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Tháng 10/2010: Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ lên 36,665 tỷ đồng.
- Năm 2011: Vốn điều lệ được nâng lên 62,7 tỷ đồng thông qua đợt phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- Ngày 17/9/2015, Vốn điều lệ nâng lên 290.754.990.000 đồng.

2. Quá trình phát triển

a. Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác
- Bán buôn, bán lẻ: - Đại lý, môi giới, đầu giá; - Than đá và nhiên liệu rắn khác; - Gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi.
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu
 - o Chi tiết: - Sản xuất gạch, vôi, đá sê, cát tạo dáng, hoàn thiện đá sê; - Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; - Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao. - Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Xây dựng nhà các loại
- Lắp đặt hệ thống điện
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Phá dỡ
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm
- Chi tiết: Khai thác quặng kim loại màu (trừ quặng uranium và quặng thorium)
- Khai thác và thu gom than cứng
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác

- Khai thác quặng sắt
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Chi tiết: Khai thác đá
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni to
- Chi tiết: Sản xuất phân lân hữu cơ sinh học
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Chi tiết: Giao thông, thủy lợi
- Chuẩn bị mặt bằng

b. Tình hình hoạt động

Các chủng loại sản phẩm

Các sản phẩm từ quặng đá Talc

- Dạng quặng nguyên khai;
- Bột đá từ mịn đến siêu mịn, kích cỡ từ 1 -30 μ ;
- Đá trang trí, đá xẻ; ốp lát;

Thị trường tiêu thụ:

Cung cấp làm nguyên liệu đầu vào cho ngành vật liệu xây dựng, giấy, dược phẩm, mỹ phẩm, gạch,... thị trường trong nước và xuất khẩu Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc.

Các sản phẩm từ đá trắng Ca_{CO}3

- Bột Ca_{CO}3 siêu mịn kích cỡ từ 1-30 μ ; Ca_{CO}3 mịn từ 30-70 μ ;
- Đá khối; đá viên;
- Đá xẻ tấm.

Thị trường tiêu thụ:

Dùng làm nguyên liệu cho ngành vật liệu xây dựng, cao su, nhựa, ngành sơn, bột bả cho cho xây dựng dân dụng và xây dựng công nghiệp; nguyên liệu để sản xuất gốm sứ, thủy tinh cao cấp và phục vụ làm ống nhựa kỹ thuật cho ngành viễn thông và điện lực.

Các sản phẩm từ quặng đá Quartz (Thạch Anh)

- Bột Silic với kích cỡ từ 40 μ đến 70 μ và kích thước hạt từ 0.5cm đến 2cm.

Các sản phẩm từ quặng than

- Than cám loại 4 và loại 5;

Thị trường tiêu thụ

Phục vụ làm nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện trong nước, phân bón, phụ gia cho xi măng,...

Các sản phẩm từ quặng Đolômit

- Sản phẩm sau khai thác và chế biến: Đolômit mịn, kích cỡ từ 70-75 μ

Thị trường tiêu thụ

Phục vụ cho ngành công nghiệp sản xuất gốm sứ, kính thủy tinh, luyện thép,...

3. Định hướng phát triển chiến lược của Công ty

Tuân thủ pháp luật

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được đảm bảo tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông đã được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

Quản lý, công tác tổ chức:

- Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức và hoạt động của Công ty với mô hình Công ty cổ phần, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của CBCNV, đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững, lâu dài.
- Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có cho phù hợp yêu cầu về sản phẩm và chất lượng sản phẩm.

Tài chính

- Tích cực tạo dựng hình ảnh, vị thế về tài chính nhằm thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư, khách hàng về Công ty và sản phẩm dịch vụ của Công ty khi tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- Xây dựng cơ chế quản lý tài chính minh bạch, công khai, phục vụ nhu cầu thông tin tài chính cho tất cả các đối tượng.
- Tiến hành liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để nghiên cứu các sản phẩm mới.

Phát triển nguồn nhân lực

- Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân lực cả về mặt chất lượng và số lượng. Ưu tiên tuyển dụng các lao động trực tiếp có tay nghề vững, cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong điều kiện hội nhập kinh tế. Đồng thời trẻ hóa lực lượng cán bộ trong Công ty.
- Tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt công tác, nhiệm vụ

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Theo mục tiêu chiến lược giai đoạn 2017-2020 Công ty sẽ trở thành một Công ty chuyên cung cấp các sản phẩm khoáng sản chế biến tinh và sâu hàng đầu Việt Nam, đưa hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển đa ngành và tiến tới trở thành doanh nghiệp lớn. Kinh doanh có lợi, bảo toàn phát triển vốn đầu tư tại Công ty và các doanh nghiệp khác, tối đa hóa lợi nhuận, phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh, đem lại lợi ích tối ưu cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước thông qua các loại thuế từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đồng thời đem lại việc làm, tạo thu nhập cho người lao động.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị Công ty gồm:

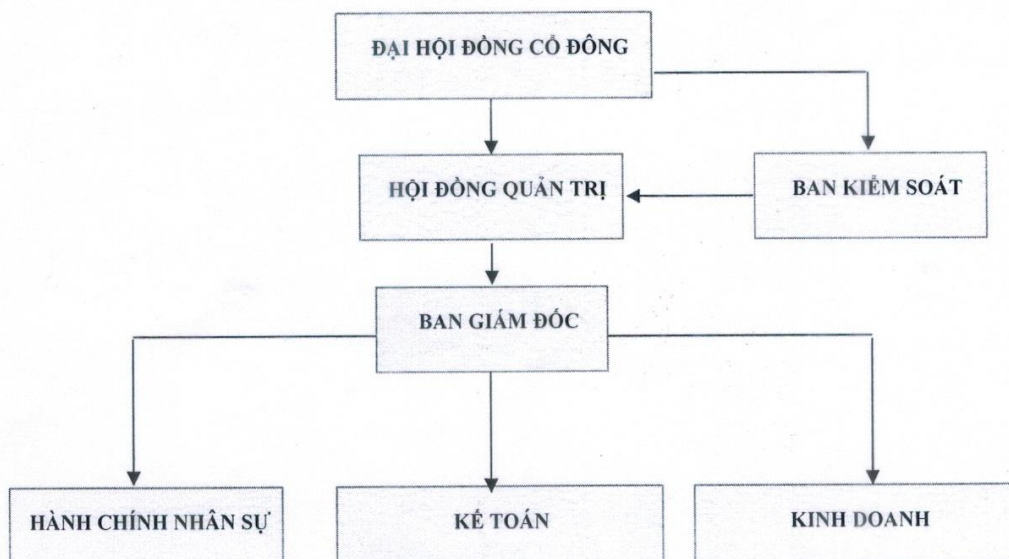
- Đại hội Đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, ĐHĐCĐ họp mỗi năm ít nhất một lần nhằm quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

- Hội đồng Quản trị: Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

- Ban Kiểm soát: Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính của Công ty.

- Ban giám đốc: Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.

- Cơ cấu bộ máy quản lý.



5. Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Tích cực tham gia công tác xã hội, hỗ trợ cộng đồng. Nâng cao nhận thức của nhân viên cũng như tình nguyện tham gia các phong trào kết nối và hỗ trợ cộng đồng cùng phát triển.
- Cải thiện môi trường làm việc, tuân thủ các hoạt động thuộc hệ thống an toàn sức khỏe môi trường cho người lao động.
- Tuân thủ nguyên tắc an toàn vệ sinh môi trường trong công tác sản xuất. Cũng như các yêu cầu cần thiết theo hệ thống ISO của thế giới.
- Luôn tuân thủ nguyên tắc tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu chất thải nguy hại trong quá trình sản xuất.

6. **Các rủi ro:** Mỗi thành công cũng như thất bại, mỗi khó khăn, thử thách trải qua trong năm 2018 đúc kết thành bài học kinh nghiệm quý báu giúp Công ty ngăn ngừa mọi rủi ro trong tương lai:

- Đảm bảo đủ nguồn vốn lưu động sẵn có sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh (khi Công ty không thể tiếp cận được nguồn vốn vay ngân hàng do thắt chặt tín dụng, tăng lãi suất cho vay).
- Cải thiện trình độ cũng như nâng cao tay nghề cho người lao động để đáp ứng nhu cầu sản xuất sản phẩm giá trị gia tăng cao. Không để tình trạng chảy máu chất xám và nguồn nhân lực tốt của Công ty.

III. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty đang bị cục thuế Hòa bình cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không có giá trị từ năm 2016, trong thời gian này đơn vị đang dừng tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Do vậy trong năm Công ty không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Khoản mục	Năm 2017	Năm 2018
Doanh thu thuần	0	0
Lợi nhuận sau thuế	(142.621.324.218)	(1.158.348.100)

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Hội đồng quản trị.

a. Chủ tịch hội đồng quản trị

- Họ và tên: **Nguyễn Thanh Sơn**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 001060000191; cấp ngày: 06/02/2013; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư.
- Ngày, tháng, năm sinh: 10/07/1960
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đông Anh- Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 55 Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02862974559
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, luật sư
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2011 đến nay: Chủ tịch Công ty CP đầu giá Đại Nam. Giám đốc chi nhánh Hà Nội.
 - + Từ 2016 đến nay: Chủ tịch Công ty Cổ phần NTACO
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch Công ty Cổ phần thu nợ Dân An, Chủ tịch Công ty CP Đầu giá Đại Nam.
- Số cổ phần nắm giữ: 453.220 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

b. Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **Trịnh Quốc Vân**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 001075007714, cấp ngày 08/12/2005, tại Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú DLQG về dân cư.

- Ngày, tháng, năm sinh: 09/10/1975
- Nơi sinh: Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Tổ 19 Phường Đức Giang, Q. Long Biên, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 02862974559
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - + 2001 đến 2006: Nhân viên môi giới CTCK Ngân hàng Công Thương
 - + 2006 - tháng 04 đến 2007: Phó phòng môi giới CTCK Ngân hàng Công Thương
 - + T8/2007 - T5/2009: Phó tổng giám đốc CTCP Chứng khoán Đại Nam
 - + T5/2009 - T11/2011: Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Đại Nam
 - + T11/2011 - T3/2012: Q. Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán Đại Nam
 - + T3/2012 - T02/2014: Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán Đại Nam
 - + T03/2014 - nay: Ủy viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc CTCP Chứng khoán Đại Nam
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành Viên Hội Đồng Quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành Viên Hội Đồng Quản trị Công ty CP Khoáng sản Hòa Bình, Ủy viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc CTCP Chứng khoán Đại Nam.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

c. Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **Tô Hiếu Thuận**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 022104666; cấp ngày: 09/06/2015; Nơi cấp: thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày, tháng, năm sinh: 13/08/1971
- Nơi sinh: Quận nhì, Sài Gòn.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Sài Gòn
- Địa chỉ thường trú: Xã Đông Hoàng, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình
- Số điện thoại liên lạc: 02862974559
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA)
- Quá trình công tác:
 - + Từ 01/12/2000 – 31/10/2003: Nhân viên tư vấn P.Công ty chứng khoán - chi nhánh TP. HCM
 - + Từ 01/11/2003 - 31/01/2007: Trưởng phòng kinh doanh Công ty chứng khoán NH Công Thương - Chi nhánh TP. HCM
 - + Từ 01/02/2007- 28/02/2009: Phó giám đốc Công ty chứng khoán NH Công Thương - Chi nhánh TP. HCM
 - + Từ 01/03/2009 đến 01/03/2010: Tổng giám đốc Công ty cổ phần ĐT - KD Vàng Toàn cầu - GGB
 - + Từ 01/03/2010 đến 01/06/2013: Giám đốc Công ty TNHH Thiên Thiên Lộc - chi nhánh TP HCM
 - + Từ 01/07/2013 đến 06/2014: Phó giám đốc Công ty CP cao su An Lợi
 - + Từ 01/07/2015 đến 03/2015: Phó giám đốc Công ty cổ phần XM Sài Gòn
 - + Từ 01/04/2015 đến 12/2015: Giám đốc khối tư vấn Công ty cổ phần chứng khoán Dầu Khí
 - + Từ 02/01/2016 đến nay: Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân Hàng Đông Á
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát và Phó Tổng giám đốc.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân Hàng Đông Á.
- Số cổ phần nắm giữ: không.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

d. Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **Trần Xuân Trường**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 012370818 ; cấp ngày: 05/11/2009 ; Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày, tháng, năm sinh: 09/02/1967
- Nơi sinh: Tứ Dân, Khoái Châu, Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Trung tâm thương mại và nhà ở, 379/8 Đội Cấn, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02862974559
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học hóa công nghệ
- Quá trình công tác:
 - + 1990 - 1994: Kỹ sư hóa Viện nghiên cứu Bảo hộ lao động, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam.
 - + 1994 - 1999: Phòng kinh doanh Liên minh các hợp tác xã Việt Nam.
 - + 1999 - 2013: Giám đốc chi nhánh Hà Nội Công ty Đầu tư và thương mại quốc tế - Thương mại công nghiệp Việt Nam.
 - + 2013- nay: Phó giám đốc Công ty TNHH KD Việt Nam.
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó giám đốc Công ty TNHH KD Việt Nam.
- Số cổ phần nắm giữ: Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

2.2 Ban kiểm soát

a. Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: **Trần Hậu Thành**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 011879880 ; cấp ngày: 10/10/2005 ; Nơi cấp: Công an Hà Nội
- Ngày, tháng, năm sinh: 29/05/1977
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Tổ 20 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội.
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học bách khoa Hà Nội
- Quá trình công tác:
 - + 2005-2009: Quản lý dự án tại Công ty Huawei Việt Nam
 - + 2009- nay: Chủ tịch HĐQT, giám đốc Công ty cổ phần xây lắp Bình Minh.
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT, giám đốc Công ty cổ phần xây lắp Bình Minh.
- Số cổ phần nắm giữ: Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

b. Thành viên ban kiểm soát

- Họ và tên: **Cao Tuyết Lan**
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 011920576; cấp ngày: 14/05/2008; Nơi cấp: Hà Nội.
- Ngày, tháng, năm sinh: 21/02/1977
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 615 Minh Khai, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai bà trung, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 02862974559
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2001 đến 2004: Trưởng phòng Trung tâm tâm đào tạo tin học PT
 - + Từ 2004 đến 2012: Phó giám đốc phụ trách đào tạo Công ty CP thương mại dịch vụ tổng hợp và công nghệ HTL.
 - + Từ 2012 đến nay: Phó giám đốc Chi nhánh Công ty CP đầu giá Đại Nam tại Hà Nội.
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ Phần NTACO.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

c. Thành viên ban kiểm soát

Họ và tên: Vũ Thị Thúy

- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 013041830; Ngày cấp: 04/03/2008 Nơi cấp: CA Hà Nội.
- Ngày, tháng, năm sinh: 01/01/1982
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 91 Trường Lâm, Đức Giang, Long Biên, Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Học viện tài chính
- Quá trình công tác:
 - + 2014: Kế toán trưởng Công ty cổ phần chứng khoán Đại Nam.
 - + 2014- nay: Kế toán trưởng Công ty CP XNK hóa chất và thiết bị Kim ngưu
- Chức vụ công tác ở công ty hiện nay: Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty CP XNK hóa chất và thiết bị Kim ngưu.
- Số cổ phần nắm giữ: Không.
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan đối với các tổ chức phát hành: Không

2.3 Những thay đổi trong HĐQT:

Trong năm, Công ty có sự thay đổi HĐQT như sau:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Xuân Ái	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm 23/06/2018

3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

3.1. Số lượng người lao động trong Công ty:

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 là 7 người, cơ cấu lao động như sau:

Bộ phận	Trình độ	Số CB.CNV	Tỷ trọng
Khối văn phòng	Thạc sỹ	02	28.57%
	Đại học	04	57.14%
	Cao đẳng, trung cấp	01	14.29%
Tổng cộng		7	100,00%

3.2. Chính sách đối với người lao động:

a. Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc từ thứ hai tới sáng thứ bảy, nghỉ chiều thứ bảy và ngày chủ nhật.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát

b. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động:

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi: Công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập cho người lao động và các chế độ theo quy định của Nhà nước.

Bảo hiểm: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật lao động, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của Nhà Nước về chế độ bảo hiểm và trợ cấp

3 Tình hình đầu tư vào Công ty liên kết: không có

4 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành là 29.075.499 cổ phiếu.
- Tất cả cổ phần trên được chuyển nhượng tự do và không nằm trong diện bị hạn chế chuyển nhượng.

b) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm Công ty không phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn.

c) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ.

d) Các chứng khoán khác: Hiện tại, Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông, không có cổ phiếu quỹ, cổ phiếu thương, trái phiếu...

Báo cáo và đánh giá của HĐQT

Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý, tổ tụng để được bàn giao tài sản hiện vật, tài liệu pháp lý, chứng từ kế toán, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, giấy tờ chứng minh sở hữu tài sản từ người đại diện pháp luật cũ. Công ty đang bị cục thuế Hòa bình cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không có giá trị từ năm 2016, trong thời gian này đơn vị đang dừng tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Do vậy trong năm Công ty không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; các khoản mục công nợ phải thu, phải trả, tài sản không có biến động về số dư.

Doanh thu, lợi nhuận tăng không đáng kể so với kế hoạch đặt ra nhưng đã tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2017. Kết quả trên đã phản ánh đúng với tình hình thực tế trong năm qua, tình hình kinh doanh vẫn gặp nhiều khó khăn.

5. Tình hình tài chính

Khoản mục	Năm 2017	Năm 2018
Tài sản ngắn hạn	2.083.702.501	2.148.926.709
Tài sản dài hạn	215.913.752.573	214.990.180.265
Nợ ngắn hạn	65.241.847.511	65.541.847.511
Nợ dài hạn	-	-

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Cơ cấu tổ chức, quản lý cũng như những chính sách của Công ty đã đi vào ổn định, riêng với chính sách cho người lao động Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách về bảo hiểm, trợ cấp, lương thưởng và các phúc lợi khác...

Kế hoạch phát triển trong tương lai: Trong tình hình kinh tế khó khăn hiện nay, việc đưa ra kế hoạch phát triển dài hạn sẽ khó đạt được. Vì thế, để đảm bảo cho kế hoạch đưa ra, Công ty sẽ dựa trên tình hình thực tế để đề xuất kế hoạch cho từng năm cụ thể. Việc đề xuất kế hoạch sẽ được Đại hội cổ đông thường niên thông qua hàng năm.

6. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cp nắm giữ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thanh Sơn	Chủ Tịch HĐQT	75.000	0.026%
2	Trịnh Quốc Vân	Thành viên HĐQT	0	0.00%
3	Tô Hiếu Thuận	Thành viên HĐQT	0	0.00%
4	Trần Xuân Trường	Thành viên HĐQT	0	0.00%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, mà cử các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách vấn đề nhân sự, tiền lương, thưởng Công ty.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2018/NQ-HĐQT/KHB	12/03/2018	Bổ nhiệm Ông Chu Danh Phương giữ chức vụ kế toán trưởng kể từ ngày 12/03/2018
2	02/2018/NQ-HĐQT/KHB	28/03/2018	Phê duyệt đồng ý chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Cty CP khoáng sản Hòa Bình tại các Cty khác.
3	03/2018/NQ-HĐQT/KHB	28/03/2018	Thông qua hợp ĐHCĐ thường niên năm 2018
4	04/2018/NQ-HĐQT/KHB	19/05/2018	Thông qua nội dung hợp ĐHCĐ thường niên năm 2018
5	05/2018/NQ-HĐQT/KHB	21/05/2018	Thông qua việc thanh lý bán sắt vụn khu nhà xưởng, máy móc thiết bị tại trụ sở chính Cty
6	08/2018/NQ-HĐQT/KHB	13/07/2018	Miễn nhiệm chức vụ kế toán trưởng đối với Ông Chu Danh Phương kể từ ngày 16/07/2018.
7	09/2018/NQ-HĐQT/KHB	15/08/2018	Giao chủ tịch HĐQT ký hợp đồng với Cty TNHH kiểm toán CPA Vietnam – hãng kiểm toán quốc tế Moore Stephens về việc cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC kết thúc ngày 31/12/2017

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Tham gia Đại hội cổ đông và các cuộc họp trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cp năm giữ	Tỷ lệ
1	Trần Hậu Thành	Trưởng BKS	0	0.00%
2	Cao Tuyết Lan	TV BKS	0	0.00%
3	Vũ Thị Thúy	TV BKS	0	0.00%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra các hoạt động Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:** Năm 2018, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc chưa nhận thù lao và các khoản lợi ích khác.

b) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không

d) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

- Đề phát huy các nguồn lực hiện có và khắc phục những bất cập trong thời gian qua HĐQT Công ty đề ra các biện pháp tổ chức thực hiện sau:
 - o Phối hợp với cơ quan cảnh sát điều tra – Bộ công an để làm rõ và xử lý vi phạm của Ban giám đốc cũ, thu hồi hồ sơ, tài liệu và tài sản .
 - o Thu hồi các khoản vay cá nhân và Doanh nghiệp
 - o Thu hồi các khoản vốn góp vào các Công ty liên quan
 - o Trong năm qua Công ty đã không ngừng mở rộng hoạt động xúc tiến đầu tư để kiến thiết các cơ hội kinh doanh mới. Công ty đã có nhiều cuộc tiếp xúc, làm việc với đại diện các Công ty, tập đoàn trong và ngoài nước nhằm tìm hiểu, trao đổi, xác định triển vọng hợp tác đầu tư một số dự án .

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH
CHỦ TỊCH HĐQT**



NGUYỄN THANH SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hòa Bình (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch
Ông Trần Xuân trường	Thành viên
Ông Trịnh Quốc Vân	Thành viên
Ông Tô Hiếu Thuận	Thành viên
Ông Phạm Xuân Ái	Thành Viên (Miễn nhiệm ngày 23/06/2018)

Ban Kiểm soát

Ông Trần Hậu Thành	Trưởng Ban
Bà Cao Tuyết Lan	Thành viên
Bà Vũ Thị Thúy	Thành viên

Đại diện pháp luật

Ông Nguyễn Thanh Sơn	Chủ tịch HĐQT
----------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Công ty



Nguyễn Thanh Sơn
Chủ tịch HĐQT

Ngày 19 tháng 04 năm 2019

Số: 0704 /2019/BCTC-KTV/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hòa Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hòa Bình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19/04/2019, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 số 0604/2019/BCTC-KTV/HN ký ngày 19/04/2019. Với ý kiến kiểm toán dạng từ chối đưa ra ý kiến. Những ảnh hưởng của vấn đề nêu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình vẫn còn tồn tại trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Do được bổ nhiệm kiểm toán sau ngày kết thúc năm tài chính 2018 nên chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018. Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê tại thời điểm kiểm toán và cũng không thể thực hiện các thủ tục thay thế. Vì vậy chúng tôi không thể đánh giá được tính hiện hữu và chính xác của các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định với giá trị lần lượt là 81 triệu VND; 18,9 tỷ VND; 5,2 tỷ VND.

Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận công nợ phải thu, phải trả đến các đối tượng có liên quan. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi chưa nhận được xác nhận số dư tại ngày 31/12/2018 của các khoản công nợ Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn, Phải thu về cho vay ngắn hạn, Phải thu ngắn hạn khác, Phải thu dài hạn khác, Phải trả người bán ngắn hạn, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và Phải trả ngắn hạn khác với số tiền lần lượt khoảng 62,5 tỷ VND; 196,4 Triệu VND; 20 tỷ VND; 1,7 tỷ VND; 150 tỷ VND; 38,7 tỷ VND; 11,7 tỷ VND; 8,2 tỷ VND. Theo sổ sách của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế. Theo đó, chúng tôi không thể xác định giá trị chính xác và đưa ra các điều chỉnh phù hợp cho các số dư công nợ và khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi, cũng như không thể ước tính chính xác lãi các khoản đi vay và cho vay trong năm nêu trên trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018 và Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018 của Công ty.

Khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty với Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai và với Công ty Cổ phần Sơn Penmax được trình bày trên bảng cân đối kế toán của công ty tại ngày 31/12/2018 với giá trị lần lượt là 85 tỷ VND và 65 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được các hồ sơ tài liệu liên quan đến các khoản đầu tư trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định xem liệu có các điều chỉnh cần thiết nào cho các khoản đầu tư này không.

Chúng tôi không nhận được xác nhận góp vốn cũng như hồ sơ chứng minh khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Đại Việt, Công ty CP SPI, Công ty CP VFI Việt Nam, Công ty CP Đầu tư và Phát triển VDI Việt Nam và Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái tại thời điểm ngày 31/12/2018 với giá trị lần lượt là 15 tỷ VND; 5 tỷ VND; 22 tỷ VND; 34 tỷ VND; 25,5 tỷ VND. Đồng thời chúng tôi cũng chưa nhận được báo cáo tài chính đã được kiểm toán của khoản đầu tư của Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Đại Việt, Công ty CP VFI Việt Nam, Công ty CP Đầu tư và Phát triển VDI Việt Nam và Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái. Công ty đã đánh giá rủi ro và trích lập tổn thất khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Đại Việt, Công ty CP SPI và Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái. Theo sổ sách của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế, chúng tôi không thể xác định liệu có phải điều chỉnh các khoản đầu tư và tổn thất của khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị trên hay không.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh III.1, Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, Công ty phát sinh khoản lỗ là 1.158.348.100 đồng, lỗ lũy kế là 140.753.696.991 đồng và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 63.392.920.802 đồng. Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý, tổ tụng để được bàn giao tài sản hiện vật, tài liệu pháp lý, chứng từ kế toán, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, giấy tờ chứng minh sở hữu tài sản từ người đại diện pháp luật cũ. Trong thời gian này Công ty đang tạm dừng tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Do vậy trong năm Công ty không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; các khoản mục công nợ phải thu, phải trả, tài sản không có biến động về số dư. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty được trình bày theo giả định hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2019

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn
Đất Việt tại Hà Nội



HOÀNG ĐÌNH HẢI- Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2282-2018-037-1

LÊ THẾ THANH - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2372-2018-037-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.148.926.709	2.083.702.501
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	84.370.850	19.731.187
1. Tiền	111		84.370.850	19.731.187
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.914.642.091	1.914.642.091
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	62.512.603.558	62.512.603.558
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		196.446.092	196.446.092
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	20.000.000.000	20.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	1.718.195.999	1.718.195.999
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(82.512.603.558)	(82.512.603.558)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141	V.6	18.863.600.420	18.863.600.420
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(18.863.600.420)	(18.863.600.420)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		149.913.768	149.329.223
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		149.913.768	149.329.223
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		214.990.180.265	215.913.752.573
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		150.000.000.000	150.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	150.000.000.000	150.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		5.178.357.915	6.101.249.991
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	5.178.357.915	6.101.249.991
- Nguyên giá	222		18.143.985.128	18.143.985.128
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.965.627.213)	(12.042.735.137)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		360.121.789	360.121.789
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		360.121.789	360.121.789
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	59.450.000.000	59.450.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15.000.000.000	15.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		86.500.000.000	86.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(42.050.000.000)	(42.050.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.700.561	2.380.793
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.700.561	2.380.793
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		217.139.106.974	217.997.455.074

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		65.541.847.511	65.241.847.511
I. Nợ ngắn hạn	310		65.541.847.511	65.241.847.511
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	38.694.673.004	38.694.673.004
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	6.250.648.578	6.250.648.578
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		629.595.000	629.595.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	8.168.672.223	7.868.672.223
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	11.695.380.000	11.695.380.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		102.878.706	102.878.706
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		151.597.259.463	152.755.607.563
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	151.597.259.463	152.755.607.563
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		290.755.000.000	290.755.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		290.755.000.000	290.755.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.106.364	4.106.364
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.591.850.090	1.591.850.090
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(140.753.696.991)	(139.595.348.891)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(139.595.348.891)	3.025.975.327
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.158.348.100)	(142.621.324.218)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		217.139.106.974	217.997.455.074



Nguyễn Thanh Sơn
 Chủ tịch HĐQT
 Ngày 19 tháng 04 năm 2019

Cao Tuyết Lan
 Phụ trách kế toán

Cao Tuyết Lan
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	-	18.863.600.420
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	(18.863.600.420)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	1.663	49.291
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	-	40.500.000.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	1.158.349.763	83.256.210.613
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.158.348.100)	(142.619.761.742)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	1.562.476
13. Lợi nhuận khác	40		-	(1.562.476)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.158.348.100)	(142.621.324.218)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.158.348.100)	(142.621.324.218)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	(40)	(4.905)



Nguyễn Thanh Sơn
 Chủ tịch HĐQT
 Ngày 19 tháng 04 năm 2019

Cao Tuyết Lan
 Phụ trách kế toán

Cao Tuyết Lan
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01			
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(20.442.000)	(7.493.640.939)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(211.920.000)	(288.800.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		300.000.000	7.613.650.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.000.000)	(1.562.476)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		64.638.000	(170.353.415)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.663	49.291
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.663	49.291
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		64.639.663	(170.304.124)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		19.731.187	190.035.311
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	84.370.850	19.731.187



Nguyễn Thanh Sơn
 Chủ tịch HĐQT
 Ngày 19 tháng 04 năm 2019

Cao Tuyết Lan
 Phụ trách kế toán

Cao Tuyết Lan
 Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hòa Bình (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 5400227011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hoà Bình cấp Đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2003 Thay đổi lần thứ 16 ngày 21/07/2017

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu.
- Xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Phá dỡ.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác .
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa .
- Trồng rừng và chăm sóc rừng.
- Khai thác và thu gom than cứng.
- Khai thác quặng sắt.
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt .
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm .
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét .
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.

Trụ sở chính của Công ty tại: Xã Thống Nhất, Thành Phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Giả thiết về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của công ty trong qua trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, Công ty phát sinh khoản lỗ là 1.158.348.100 đồng, lỗ lũy kế là 140.753.696.991 đồng và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 63.392.920.802 đồng. Công ty cũng đang tiến hành các thủ tục pháp lý, tố tụng để được bàn giao tài sản hiện vật, tài liệu pháp lý, chứng từ kế toán, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, giấy tờ chứng minh sở hữu tài sản từ người đại diện pháp luật cũ. Trong thời gian này đơn vị dừng tất cả các hoạt động kinh doanh của mình. Do vậy trong năm chúng tôi không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ các khoản mục công nợ phải thu, phải trả, tài sản hầu như không có biến động về số dư. Tuy nhiên, theo nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 04 năm 2019 về phê duyệt phương án sản xuất kinh doanh và đang tiếp tục xác minh thu hồi công nợ, xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh mới. Do đó, Hội đồng Quản trị Công ty vẫn đang tiến hành lập Báo cáo tài chính trên giả định hoạt động liên tục

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

2. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

4. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trong đó:

Nợ phải thu quá hạn thanh toán:

Mức trích lập dự phòng

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

Nợ phải thu khác:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời..) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu hoặc giá trị danh nghĩa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06-45
Máy móc, thiết bị	08-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

7. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

8. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

11. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Tiền mặt	81.635.608	15.908.608
Tiền gửi ngân hàng	2.735.242	3.822.579
Cộng	84.370.850	19.731.187

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Phải thu khách hàng ngắn hạn	62.512.603.558	62.512.603.558
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Hùng Vương	973.444.394	973.444.394
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kỹ thuật Thương mại Phú Hòa	23.043.735.000	23.043.735.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc	8.375.668.400	8.375.668.400
- Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	27.128.833.984	27.128.833.984
- Khách hàng khác	2.990.921.780	2.990.921.780
Trong đó phải thu khách hàng là các bên liên quan	27.128.833.984	27.128.833.984
- Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	27.128.833.984	27.128.833.984

3. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Ông Lê Hữu Lộc (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	20.000.000.000	20.000.000.000

(*): Hợp đồng cho vay số 07/2015/HĐKT ngày 31/12/2016. Theo đó Công ty cho Ông Lê Hữu Lộc vay số tiền 23,8 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay 8%/năm, tài sản thế chấp là cổ phần công ty VFI Việt Nam mà ông Lộc sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

4. Nợ xấu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	62.512.603.558	-	62.512.603.558	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Hùng Vương	973.444.394	-	973.444.394	-
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kỹ thuật Thương mại Phú Hòa	23.043.735.000	-	23.043.735.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc	8.375.668.400	-	8.375.668.400	-
- Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	27.128.833.984	-	27.128.833.984	-
- Khách hàng khác	2.990.921.780	-	2.990.921.780	-
b. Phải thu về cho vay ngắn hạn	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
- Ông Lê Hữu Lộc	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Cộng	82.512.603.558	-	82.512.603.558	-

5. Phải thu khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.718.195.999	-	1.718.195.999	-
- Tạm ứng	1.318.196.000	-	1.318.196.000	-
- Phải thu lãi tiền vay	399.999.999	-	399.999.999	-
b. Dài hạn	150.000.000.000	-	150.000.000.000	-
- Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Gia lai (i)	85.000.000.000	-	85.000.000.000	-
- Công ty CP Sơn Penmax (ii)	65.000.000.000	-	65.000.000.000	-
Cộng	151.718.195.999	-	151.718.195.999	-

(i) Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 03/12/2015 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia lai và Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình cùng góp vốn mỗi bên 50% tương đương với 35 tỷ đồng để mua lại nhà máy gạch Tuynel, mô sét của Công ty TNHH Bình Minh 1 tại Đắc Lắc và đầu tư thêm 01 dây chuyền sản xuất gạch tuynel mới; đồng thời cải tiến nâng cấp dây chuyền sản xuất cũ thành dây chuyền sản xuất tiết kiệm nguyên nhiên liệu, thời gian hợp tác kinh doanh là 10 năm từ ngày dây chuyền sản xuất gạch tuynel cũ được phục hồi đưa vào sản xuất lại, lợi nhuận phân chia theo tỷ lệ góp vốn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Theo hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng từ đất sét nung ngày 03/12/2015 giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia lai và Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình thỏa thuận mỗi bên góp 50% tương đương 50 tỷ đồng để đầu tư mới 02 dây chuyền sản xuất gạch tuynel có công suất 90 triệu viên/năm, thời gian hợp tác kinh doanh là 10 năm từ ngày dây chuyền sản xuất gạch tuynel mới được đầu tư hoàn chỉnh, lợi nhuận phân chia theo tỷ lệ góp vốn.

(ii) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư sản xuất kinh doanh sơn nước và vật liệu sơn ngày 21/03/2016 giữa Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh (Nay là Công ty CP Sơn Penmax) và Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình thỏa thuận mỗi bên góp 65 tỷ đồng để đầu tư mới đồng thời mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh tại nhà máy của Công ty Cổ phần Doanh nghiệp trẻ Hà Tĩnh, Thời gian hợp tác 03 năm từ ngày dây chuyền sản xuất sơn nước và các loại vật liệu sơn đầu tiên được đầu tư hoàn chỉnh, lợi nhuận chia cho các bên là 50%-50%.

6. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	137.436.777	137.436.777	137.436.777	137.436.777
- Công cụ, dụng cụ	6.158.181	6.158.181	6.158.181	6.158.181
- Chi phí SX, KD dở dang	3.383.483.976	3.383.483.976	3.383.483.976	3.383.483.976
- Thành phẩm	495.207.119	495.207.119	495.207.119	495.207.119
- Hàng hóa	14.841.314.367	14.841.314.367	14.841.314.367	14.841.314.367
Cộng	18.863.600.420	18.863.600.420	18.863.600.420	18.863.600.420

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	14.085.403.105	3.488.251.560	570.330.463	18.143.985.128
Số dư cuối năm	14.085.403.105	3.488.251.560	570.330.463	18.143.985.128
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	7.984.153.114	3.488.251.560	570.330.463	12.042.735.137
Khấu hao trong năm	922.892.076			922.892.076
Số dư cuối năm	8.907.045.190	3.488.251.560	570.330.463	12.965.627.213
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	6.101.249.991	-	-	6.101.249.991
Tại ngày cuối năm	5.178.357.915	-	-	5.178.357.915

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

8. Các khoản đầu tư tài chính

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
a) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	15.000.000.000		15.000.000.000	(15.000.000.000)
- Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Đại Việt	15.000.000.000		15.000.000.000	(15.000.000.000)
b) Đầu tư vào Công ty khác	86.500.000.000	3.450.000.000	86.500.000.000	3.450.000.000
- Công ty CP SPI (*)	5.000.000.000	3.450.000.000	5.000.000.000	3.450.000.000
- Công ty CP VFI Việt Nam	22.000.000.000	-	22.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển VDI Việt Nam	34.000.000.000	-	34.000.000.000	-
- Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	25.500.000.000		25.500.000.000	(25.500.000.000)
Cộng	101.500.000.000	3.450.000.000	101.500.000.000	(42.050.000.000)

(i) Theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 31/12/2018. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các Khoản đầu tư của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Tên Công ty	Tỷ lệ vốn năm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ
- Công ty TNHH Sản xuất Công nghiệp Đại Việt	25,00%	25,00%
- Công ty CP SPI (*)	3,1%	3,1%
- Công ty CP VFI Việt Nam	17,9%	17,9%
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển VDI Việt Nam	14,67%	14,67%
- Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	9,96%	9,96%

(*) Được đổi tên từ Công ty CP Đá Spilit

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH
Xã Thống Nhất, Thành Phố Hòa Bình
Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	38.694.673.004	38.694.673.004	38.694.673.004	38.694.673.004
- Công ty CP Khoáng sản Luyện kim màu	6.466.654.300	6.466.654.300	6.466.654.300	6.466.654.300
- Công ty CP Mỏ và Xuất nhập khẩu Khoáng sản Miền trung	6.307.831.266	6.307.831.266	6.307.831.266	6.307.831.266
- Công ty CP Kinh doanh Thương mại Quốc tế	18.270.560.000	18.270.560.000	18.270.560.000	18.270.560.000
- Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	3.584	3.584	3.584	3.584
- Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	1.682.970.300	1.682.970.300	1.682.970.300	1.682.970.300
- Các nhà cung cấp khác	5.966.653.554	5.966.653.554	5.966.653.554	5.966.653.554

Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan

- Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	1.682.970.300	1.682.970.300	1.682.970.300	1.682.970.300
---	---------------	---------------	---------------	---------------

10. Phải trả ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
- Bảo hiểm xã hội	123.553.655	123.553.655
- Bảo hiểm y tế	35.608.793	35.608.793
- Bảo hiểm thất nghiệp	23.919.077	23.919.077
- Phải trả khác	7.985.590.698	7.685.590.698
Cộng	8.168.672.223	7.868.672.223

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	1.299.728.284	-	-	1.299.728.284
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.432.884.282	-	-	3.432.884.282
Thuế thu nhập cá nhân	164.068.364	-	-	164.068.364
Thuế tài nguyên	1.241.245.159	-	-	1.241.245.159
Các loại thuế khác	112.722.489	3.000.000	3.000.000	112.722.489
Cộng	6.250.648.578	3.000.000	3.000.000	6.250.648.578

12. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Cuối năm		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Quân Đội (i)	1.974.380.000	1.974.380.000	-	-	1.974.380.000	1.974.380.000
- Bà Phạm Thị Hình (ii)	9.721.000.000	9.721.000.000	-	-	9.721.000.000	9.721.000.000
Cộng	11.695.380.000	11.695.380.000	-	-	11.695.380.000	11.695.380.000

- (i) Hợp đồng vay ngắn hạn Ngân Hàng TMCP Quân đội số 56.12.003.11.33890.TD, hạn mức tín dụng là 3.500.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất thả nổi.
(ii) Hợp đồng vay Bà Phạm Thị Hình số 1605/2016/HĐVV ngày 16/05/2016, thời hạn vay 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

13. Vốn chủ sở hữu

13.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
NĂM TRƯỚC					
Số dư đầu năm	290.755.000.000	4.106.364	1.591.850.090	3.025.975.327	295.376.931.781
Lỗ trong năm	-	-	-	(142.621.324.218)	(142.621.324.218)
Số dư cuối năm	290.755.000.000	4.106.364	1.591.850.090	(139.595.348.891)	152.755.607.563
NĂM NAY					
Số dư đầu năm	290.755.000.000	4.106.364	1.591.850.090	(139.595.348.891)	152.755.607.563
Lỗ trong năm	-	-	-	(1.158.348.100)	(1.158.348.100)
Số dư cuối năm	290.755.000.000	4.106.364	1.591.850.090	(140.753.696.991)	151.597.259.463

13.2

Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.075.500	29.075.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.075.500	29.075.500
Cổ phiếu phổ thông	29.075.500	29.075.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.075.500	29.075.500
Cổ phiếu phổ thông	29.075.500	29.075.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	18.863.600.420
Cộng	-	18.863.600.420

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.663	49.291
Cộng	1.663	49.291

3. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	-	40.500.000.000
Cộng	-	40.500.000.000

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	211.920.000	288.800.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	922.892.076	922.892.081
Thuế, phí, lệ phí	23.537.687	18.637.171
Dự phòng phải thu khó đòi	-	82.025.881.361
Cộng	1.158.349.763	83.256.210.613

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận trước thuế	(1.158.348.100)	(142.621.324.218)
Điều chỉnh tăng	922.892.076	142.312.373.862
Chi phí không được trừ	922.892.076	142.312.373.862
Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước	(235.456.024)	(308.950.356)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.158.348.100)	(142.621.324.218)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(1.158.348.100)	(142.621.324.218)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	29.075.500	29.075.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(40)	(4.905)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

(Đơn vị tính: VND)

1. Thông tin về các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	Công ty có vốn góp đầu tư

1.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	Phải thu khách hàng	27.128.833.984	27.128.833.984
- Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	Phải trả người bán	1.682.970.300	1.682.970.300

2. Báo cáo bộ phận

Năm 2018 đơn vị tạm ngừng tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh nên không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Do vậy Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo loại hình kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

3.1. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	84.370.850	19.731.187
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.718.195.999	1.718.195.999
Đầu tư dài hạn	209.450.000.000	209.450.000.000
Cộng	211.252.566.849	211.187.927.186
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	11.695.380.000	11.695.380.000
Phải trả người bán và phải trả khác	46.863.345.227	46.563.345.227
Chi phí phải trả	629.595.000	629.595.000
Cộng	59.188.320.227	58.888.320.227

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

3.2. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

3.3. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

3.3.1. Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

3.3.2. Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

3.3.3. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

3.3.4 Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Số dư cuối năm			
Các khoản vay	11.695.380.000	-	11.695.380.000
Phải trả người bán và phải trả khác	46.863.345.227	-	46.863.345.227
Chi phí phải trả	629.595.000	-	629.595.000
Cộng	59.188.320.227	-	59.188.320.227
Số dư đầu năm			
Các khoản vay	11.695.380.000	-	11.695.380.000
Phải trả người bán và phải trả khác	46.563.345.227	-	46.563.345.227
Chi phí phải trả	629.595.000	-	629.595.000
Cộng	58.888.320.227	-	58.888.320.227
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Số dư cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	84.370.850	-	84.370.850
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.718.195.999	-	1.718.195.999
Đầu tư dài hạn	-	209.450.000.000	209.450.000.000
Cộng	1.802.566.849	209.450.000.000	211.252.566.849
Số dư đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.731.187	-	19.731.187
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.718.195.999	-	1.718.195.999
Đầu tư dài hạn	-	209.450.000.000	209.450.000.000
Cộng	1.737.927.186	209.450.000.000	211.187.927.186

4. Thông tin khác

Ngày 29/06/2017, Công ty đã tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 để bầu ra Hội đồng Quản trị, người đại diện pháp luật mới. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục tổ tụng có liên quan đến Người đại diện theo pháp luật cũ của Công ty nhằm yêu cầu bàn giao tài sản hiện vật, tài liệu pháp lý, chứng từ kế toán, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, giấy tờ chứng minh sở hữu tài sản theo báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016 cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc mới được bổ nhiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HÒA BÌNH
Xã Thống Nhất, Thành Phố Hòa Bình
Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Từ ngày 18/05/2017 Hội Đồng Quản trị đã miễn nhiệm chức danh Giám đốc Công ty đối với Ông Lê Hữu Lộc. Đến thời điểm phát hành báo cáo này Công ty chưa bổ nhiệm Giám đốc thay cho Ông Lê Hữu Lộc. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Nguyễn Thanh Sơn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Tại ngày phát hành báo cáo này bà Phạm Thị Hinh, nguyên là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của công ty cho đến ngày 29/06/2017 đã bị Công an Thành phố Hà Nội đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ngày 21/03/2019 đã áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ hình sự đối với bà Phạm Thị Hinh về tội thao túng thị trường chứng khoán theo quy định tại Điều 211 Bộ Luật hình sự.

5. Cam kết hoạt động


Công ty không có khoản cam kết thuê hoạt động nào tính đến ngày 31/12/2018.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.



Nguyễn Thanh Sơn
Chủ tịch HĐQT
Ngày 19 tháng 04 năm 2019


Cao Tuyết Lan
Phụ trách kế toán


Cao Tuyết Lan
Người lập biểu